**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I - MÔN NGỮ VĂN - LỚP 11**

**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ- LỚP 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **1** | **Đọc** | Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm | **3**  **(**3 câu  TL=1,5 điểm) | **3**  (3 câu  TL=3 điểm) | **1**  (1 câu  TL=1 điểm) | **1**  (1 câu  TL= 0,5 điểm) | **60** |
| Truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại |
| Bi kịch |
| Kí, tuỳ bút hoặc tản văn |
| Thơ |
| Văn bản thông tin |
| Văn nghị luận |  |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **40** |
| Viết văn bản nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng. |
| Viết bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận |
| Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội |
| **Tổng** | | | ***25%*** | ***45%*** | ***20%*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** |  | **30%** |  |  |

II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I- LỚP 11

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị**  **kiến thức /**  **Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số lượng câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng %** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn hiện đại | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn *Một bữa no*.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn *Một bữa no.*  - Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn *Một bữa no.*  **Thông hiểu:**  - Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của của nhân vật trong truyện ngắn *Một bữa no,* lí giải được ý nghĩa của nhân vật.  - Nêu được chủ đề của tác phẩm.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.  - Phát hiện và lí giải được triết lí nhân sinh của tác phẩm.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - Liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm. |  | ***Theo ma trận***  ***ở trên*** |  |  | 60 |
| **3** | **Viết** | Nghị luận về một đoạn trích /tác phẩm văn học | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả … của đoạn trích.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của đoạn trích.  - Phân tích được một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích truyện ngắn.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích/tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích/tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,…để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câu TL | 40 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tỉ lệ %*** |  | **30%** | **40%** | **20%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70%** | | **30%** | |

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

*…Bà lão ấy hờ con suốt một đêm. Bao giờ cũng vậy cứ hết đường đất làm ăn là bà lại hờ con. Làm như chính tự con bà nên bây giờ bà phải đói. Mà cũng đúng như thế thật. Chồng bà chết từ khi nó mới lọt lòng ra. Bà thắt lưng buộc bụng, nuôi nó từ tấm tấm, tí tí giở đi. Cũng mong để khi mình già, tuổi yếu mà nhờ. Thế mà chưa cho mẹ nhờ được một li, nó đã lăn cổ ra nó chết. Công bà thành công toi.*

*Con vợ nó không phải giống người. Nó có biết thương mẹ già đâu! Chồng chết vừa mới xong tang, nó đã vội đi lấy chồng ngay. Nó đem đứa con gái lên năm giả lại bà. Thành thử bà đã già ngót bẩy mươi, lại còn phải làm còm cọm, làm mà nuôi đứa con gái ấy cho chúng nó. Hết xương, hết thịt vì con, vì cháu, mà nào được trông mong gì?*

*Nuôi cháu bảy năm trời, mãi cho đến khi nó đã mười hai, bà cho nó đi làm con nuôi người ta lấy mười đồng. Thì cải mả cho bố nó đã mất tám đồng rồi. Còn hai đồng bà dùng làm vốn đi buôn, kiếm mỗi ngày dăm, ba xu lãi nuôi thân. Có chạy xạc cả gấu váy, hết chợ gần đến chợ xa, thì mới kiếm nổi mỗi ngày mấy đồng xu. Sung sướng gì đâu! Ấy thế mà ông trời ông ấy cũng chưa chịu để yên. Năm ngoái đây, ông ấy còn bắt bà ốm một trận thập tử nhất sinh. Có đồng nào vét sạch. Rồi chết thì không chết nhưng bà lại bị mòn thêm rất nhiều sức lực. Chân tay bà đã bắt đầu run rẩy. Người bà thỉnh thoảng tự nhiên bủn rủn. Đang ngồi mà đứng lên, hai mắt cũng hoa ra. Đêm nằm, xương cốt đau như giần. Đi đã thấy mỏi chân. Như vậy thì còn buôn bán làm sao được? Nghĩ đến nắng gió bà đã sợ.*

*Tuy vậy mà bà vẫn phải ăn. Chao ôi! Nếu người ta không phải ăn thì đời sẽ giản dị biết bao? Thức ăn không bao giờ tự nhiên chạy vào mồm. Có làm thì mới có. Nhưng bây giờ yếu đuối rồi, bà không còn kham được những việc nặng nề, cũng không còn chịu đựng được nắng sương. Bà phải kiếm việc nhàn, việc ở trong nhà. Ở làng này, chỉ có việc bế em, như con bé mười một mười hai tuổi. Mới đầu còn có nhiều người muốn thuê. Ai cũng nghĩ rằng: những bà già tính cẩn thận và sạch sẽ, không lơ lẻo như trẻ con; vả lại các cụ tuổi tác rồi, ăn chẳng bao nhiêu, bữa lưng bữa vực thế nào cũng đủ no; mà đã không no các cụ cũng chỉ lặng im, không ấm ức như những đồ trẻ nhãi, hơi một tí cũng đem chuyện nhà chủ đi kể với đủ mọi người hàng xóm… Nhưng thuê bà được ít lâu, tự nhiên người ta chán. Người ta nhận ra rằng: thuê một đứa trẻ con có phần lại thích hơn. Trẻ con cạo trọc đầu. Những lúc tức lên, có muốn cốc nó dăm ba cái thì cứ cốc. Chẳng ai kêu ác! Nhưng bà lão đầu đã bạc. Người ta tức bà đến gần sặc tiết ra đằng mũi cũng không thể giúi đầu bà xuống mà cốc. Cũng không thể chửi. Mắng một câu, đã đủ mang tiếng là con người tệ. Mà bà thì lẩm cẩm, chậm chạp, lì rì. Bà rờ như thể xẩm rờ. Tay bà, đưa bát cơm lên miệng cũng run run. Cơm vương vãi. Tương mắm rớt ra mâm, rớt xuống yếm bà, rớt cả vào đầu tóc, mặt mũi, quần áo đứa bé nằm ở lòng bà. Rồi hơi trái gió, trở trời, bà lại đau mình. Suốt đêm bà thở dài với rên rẩm kêu trời. Có khi bà lại khóc lóc, hờ con. Nghe rợn cả người. Như vậy thì chịu làm sao được? Ấy thế là người ta lại phải tìm cớ tống bà đi. Bà lại phải gạ gẫm ở cho nhà khác. Không đầy một năm trời bà thay đổi đến năm, sáu chủ. Mỗi lần đổi chủ là một lần hạ giá. Thoạt tiên cơm nuôi tháng một đồng. Rồi cơm nuôi tháng năm hào. Rồi cơm nuôi, một năm bốn đồng. Rồi hai đồng. Rồi chẳng có đồng nào. Đến nước ấy mà cũng chẳng ma nào chịu được. Một hôm, người chủ cuối cùng sai bà xách hai cái lọ đi kín nước. Bà bảo: bà chỉ có thể mang một lọ. Y đã lấy sự ấy làm khó chịu, nhưng cố nhịn. Nhưng một lọ cũng không xong. Bà xách một lọ nước đầy, ở dưới cầu ao bước lên bờ, chẳng biết bẩy rẩy thế nào mà ngã khuỵu xuống, vỡ tan cái lọ và què một bên tay. Nghe tiếng bà kêu, chủ nhà phải chạy ra đỡ bà về. Không ai có thừa cơm nuôi báo cô bà. Y bèn đãi bà năm hào và cho bà về hưu trí. Từ ngày ấy đến nay, tính ra đã hơn ba tháng rồi…*

(Trích *Một bữa no*, Nam Cao, *Nam Cao tuyển tập*, NXB Văn học, 2012, tr.201-203)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. Theo đoạn trích, bà lão gặp phải khó khăn lớn nhất là gì?

**Câu 2**. Xác định ngôi kể và điểm nhìn trần thuật của văn bản.

**Câu 3**. Tìm những chi tiết miêu tả hoàn cảnh của bà lão trong đoạn trích.

**Câu 4**. Xác định đề tài của văn bản.

**Câu 5.** Những câu văn sau thể hiện điều gì ở nhân vật bà lão: *Nuôi cháu bảy năm trời, mãi cho đến khi nó đã mười hai, bà cho nó đi làm con nuôi người ta lấy mười đồng. Thì cải mả cho bố nó đã mất tám đồng rồi. Còn hai đồng bà dùng làm vốn đi buôn, kiếm mỗi ngày dăm ba xu lãi nuôi thân.*

**Câu 6.** Tình cảnh của bà lão trong đoạn trích giúp anh/chị hiểu như thế nào về đời sống của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945?

**Câu 7.** Nhận xét về tư tưởng nhân đạo của nhà văn Nam Cao được thể hiện qua đoạn trích.

**Câu 8.** Trong đoạn trích, nhà văn Nam Cao từng trăn trở: *Chao ôi! Nếu người ta không phải ăn thì đời sẽ giản dị biết bao*? Theo anh/chị, trong xã hội hiện nay, vấn đề cái đói và miếng ăn có còn là nỗi ám ảnh với con người nữa không? Vì sao? (Trả lời từ 5-7 dòng)

**II. VIẾT (4 điểm)**

Viết một bài luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Một bữa no* (Nam Cao).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | Cái đói | 0.5 |
| **2** | Ngôi thứ ba, điểm nhìn toàn tri | 0.5 |
| **3** | Chồng chết từ khi con mới lọt lòng, rồi con chết, một mình bà nuôi cháu. Bây giờ yếu đuối rồi, bà không còn kham được những việc nặng nề, cũng không còn chịu đựng được nắng sương. Bà lẩm cẩm, chậm chạp, lì rì.Giản dị, đậm tính khẩu ngữ | 0.5 |
| **4** | Người nông dân nghèo | 1,0 |
| **5** | Một bà lão già nua, ốm yếu, hết lòng vì con, vì cháu. Thể hiện phẩm chất đẹp đẽ và cảnh ngộ cơ cực của bà lão. | 1,0 |
| **6** | Tình cảnh của bà lão trong đoạn trích gợi ra đời sống thê thảm của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945:  - Nghèo đói, khốn khổ, cùng cực về vật chất.  - Có khả năng bị bào mòn nhân phẩm, nhân tính. | 1,0 |
| **7** | Qua việc khắc họa nhân vật bà lão, nhà văn Nam Cao đã thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc:  - Trân trọng vẻ đẹp, phẩm giá của người nông dân (người mẹ lao động nghèo khổ nhưng tần tảo, hết lòng vì con, vì cháu)  - Xót xa, thương cảm cho tình cảnh thê thảm, khốn cùng của người nông dân trước Cách mạng.  - Tố cáo hiện thực xã hội bất công đã đẩy người nông dân vào con đường bế tắc, cùng quẫn.  - Thiết tha cất lên tiếng kêu cứu đói, cứu lấy những nhân cách con người dưới sự tác động của miếng cơm, manh áo. | 1,0 |
| **8** | - Học sinh thể hiện suy ngẫm của bản thân song phải hợp lí và có sức thuyết phục.  - Gợi ý:  + Vấn đề nhà văn Nam Cao trăn trở: Trước Cách mạng tháng Tám, “miếng ăn” là biểu hiện của cái đói quay quắt đang giày vò, hành hạ con người, nó là “miếng nhục”, tuy bé nhỏ, tầm thường nhưng lại có sức mạnh ghê gớm hủy diệt nhân tính người.  + Hiện nay, đời sống ngày càng đầy đủ, văn minh hơn, con người cũng có cách ứng xử tinh tế hơn với các giá trị vật chất (miếng ăn); đồng thời, biết coi trọng những giá trị tinh thần, bồi đắp tình yêu thương, chia sẻ để góp phần xây dựng xã hội tiến bộ. Tuy nhiên, vẫn còn những hành động đáng lên án như: trục lợi, thiếu văn hóa, phản cảm làm tổn hại đến nhân cách, giá trị của con người. | 0,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0.5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Nội dung, nghệ thuật của đoạn trích *Một bữa no*. | 0.5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.0 |
|  | *\* Giới thiệu ngắn gọn về xuất xứ, nhân vật chính và nội dung bao quát của đoạn trích* *Một bữa no* (Nam Cao).  *\* Đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích:*  - Về nội dung: Đoạn trích khắc họa chân thực, sống động nhân vật bà lão – hình ảnh tiêu biểu cho phẩm chất và tình cảnh của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng.  + Phẩm chất: tuy nghèo khổ, bất hạnh nhưng bà lão có vẻ đẹp đáng quý là sự tần tảo, giàu đức hi sinh, hết lòng vì con, vì cháu.  + Tình cảnh: thê thảm, khốn cùng, bị giày vò bởi cái đói, cái nghèo, đau đớn, nhục nhã hơn là phải từ bỏ cả lòng tự trọng vì cái đói.  - Về nghệ thuật:  + Cốt truyện đơn giản.  + Nghệ thuật trần thuật hấp dẫn, miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo.  + Ngôi thứ ba, điểm nhìn toàn tri  + Ngôn ngữ sinh động, có sự đan xen giữa lời nhân vật và lời của người kể chuyện.  + Giọng điệu dửng dưng, lạnh lùng mà chan chứa yêu thương.  *\* Đánh giá:*  - Đoạn trích nói riêng, tác phẩm *Một bữa no* nói chung có giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo sâu sắc.  - Thể hiện tài năng, tấm lòng thiết tha của Nam Cao với cuộc đời, con người. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com